

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **104/2017/DS-ST**

Ngày: 04/8/2017.

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Mỹ Trang**.

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông **Mai Hùng Nhân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 7 năm 2017 và ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2017, về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị Kiều T**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1974.

- **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Võ Thị Kiều T trình bày:*

Từ năm 2013 đến năm 2015, chị nhiều lần cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh H vay tiền để mua đất ở Vũng Tàu và trang trải việc gia đình. Cụ thể: ngày 16/12/2013 (âm lịch) anh T và chị H vay 100.000.000 đồng, ngày 16/10/2014 (âm lịch) chị H vay 30.000.000 đồng, ngày 13/11/2014 (âm lịch) chị H vay 20.000.000 đồng và ngày 10/12/2015 (âm lịch) chị H vay 10.000.000 đồng, tổng cộng là 160.000.000 đồng.

Các lần vay, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, riêng khoản vay 10.000.000 đồng không tính lãi. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả vốn, riêng khoản vay 100.000.000 đồng có thỏa thuận khi cần lấy lại vốn thì chị phải báo trước thời hạn 01 tháng. Giao dịch có làm biên nhận do chị H viết và ký tên, riêng khoản vay 100.000.000 đồng vào ngày 16/12/2013 (âm lịch) thì chị viết giấy mượn tiền và anh T, chị H ký tên

nhưng chị không nhìn thấy anh T ký do chị H đem giấy ra sau nhà cho chồng ký và chỉ có lần vay này có anh T ở nhà, còn các lần vay khác thì chị H nói anh T đi tàu không có nhà. Do không trực tiếp nhìn thấy anh T ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 16/12/2013 âm lịch nên chị không biết chữ ký “Nguyễn Văn T” có phải do anh T ký hay không và cũng không yêu cầu giám định chữ ký của anh T mà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Sau khi vay, chị H có trả lãi đến cuối năm 2015 thì ngưng, có khi chị H trả tiền trực tiếp, có khi cần trừ vào tiền hụi do chị có tham gia 02 dây hụi của chị H làm thảo nhưng khi hụi mãn chị H không giao tiền hụi cho chị. Đến nay chị H vẫn chưa trả nợ vốn dù chị nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị H trả nợ. Đầu năm 2016, chị gửi đơn đến nơi anh T công tác để yêu cầu giải quyết số nợ này thì vợ chồng anh T, chị H hứa sẽ có trách nhiệm trả nợ cho chị nhưng đến nay vẫn không trả. Nay chị H xin giảm nợ, nếu anh T đồng ý cùng chị H trả nợ thì chị đồng ý giảm 30.000.000 đồng nợ vốn. Nếu anh T không đồng ý thì chị không giảm nợ và vẫn giữ nguyên yêu cầu anh T, chị H cùng trả số tiền vốn vay còn nợ 160.000.000 đồng 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Chị thừa nhận nhiều lần vay tiền của chị T tổng cộng là 160.000.000 đồng như chị T trình bày, mục đích chị vay tiền của chị T để đóng hụi chết thay cho hụi viên vì chị là thảo hụi. Các lần vay, hai bên có làm biên nhận và chị có ký tên nhưng riêng giấy mượn tiền ngày 16/12/2013 (âm lịch) do chị T viết, chị ký tên và ký thay cho anh T chứ không phải do anh T ký; hai bên thỏa thuận cộng dồn 03 khoản vay trước đó gồm 02 lần vay 40.000.000 đồng và 01 lần vay 20.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng chứ không phải chị vay 01 lần là 100.000.000 đồng như chị T trình bày. Các lần vay đều không có mặt anh T ở nhà mà chỉ có chị và chị T trực tiếp thỏa thuận và giao nhận tiền tại nhà chị T.

Sau khi vay, chị có trả lãi cho chị T đầy đủ đến cuối năm 2015 thì ngưng với số tiền 9.600.000 đồng/tháng x 03 năm = 288.000.000 đồng nhưng không có viết biên nhận. Đến đầu năm 2016, chị T yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền vốn 160.000.000 đồng. Khi đối thoại với các chủ nợ vào ngày 06/4/2016, vợ chồng chị xin giảm nợ nhưng các chủ nợ không đồng ý nên anh T không nhận trách nhiệm cùng chị trả nợ mà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Nay chị xác định đây là nợ riêng của chị và đồng ý trả cho chị T số tiền này nhưng xin chị T giảm $\frac{1}{2}$ số nợ vốn là 80.000.000 đồng vì chị đã trả lãi cho chị T quá nhiều. Về thời gian trả tiền: chị không đồng ý trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật mà khi nào có tiền chị sẽ trả. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh không có vay tiền của chị T và ký tên trong Giấy mượn tiền ngày 16/12/2013 (âm lịch) như chị T trình bày, các khoản nợ trên do vợ anh là chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp vay, anh không biết sự việc này. Đến cuối năm 2015, khi chị H bị vỡ nợ, anh mới biết chị H có vay chị T số tiền 160.000.000 đồng để đóng hụi chết thay cho các hụi viên do chị H là thảo hụi. Tháng 3/2016, chị T có gửi đơn tố cáo đến nơi anh công tác trước đây để yêu cầu giải quyết khoản nợ vay 160.000.000 đồng. B tỉnh Tiền Giang có yêu cầu chị T trưng cầu giám định chữ ký “Nguyễn Văn T” trong Giấy mượn tiền ngày 16/12/2013 (âm lịch) có phải do anh ký hay không, hay là chữ ký do vợ anh giả mạo để mượn tiền của chị T nhưng chị T không đồng ý. Đến ngày 06/4/2016, khi đối thoại với các chủ nợ thì do các chủ nợ không đồng ý giảm nợ nên anh không nhận trách nhiệm

cùng chị H trả nợ mà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Nay anh không đồng ý cùng chị H trả nợ cho chị T, nếu chị T chứng minh được anh có vay tiền và có ký tên mượn nợ thì anh đồng ý trả. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kiều T buộc chị Nguyễn Thị Thanh H trả cho chị T số tiền vay là 160.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Kiều T về việc buộc anh Nguyễn Văn T chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với chị Nguyễn Thị Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:* Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T thì thấy: Chị H thừa nhận nhiều lần vay tiền của chị tổng cộng là 160.000.000 đồng đến nay chưa trả. Anh T cho rằng không có vay tiền và cũng không biết việc chị H vay tiền của chị T cũng như không có sử dụng tiền vay nên không đồng ý cùng chị H trả nợ. Phía chị T không chứng minh được việc anh T cùng vợ là chị H có vay chị số tiền 160.000.000 đồng như chị trình bày. Chị cho rằng khi vay 100.000.000 đồng thì anh T và chị H có ký tên trong Giấy mượn tiền ngày 16/12/2013 (âm lịch) nhưng anh T xác định chữ ký “Nguyễn Văn T” không phải do anh ký, chị H cho rằng do chị ký thay, phía chị T cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của anh T trong Giấy mượn tiền nêu trên nên không có cơ sở để xem xét. Cho thấy các lần vay tiền nêu trên do chị H trực tiếp thỏa thuận giao dịch với chị T, anh T không có tham gia và không biết việc vay mượn này.

Xét thấy các lần vay, hai bên có thỏa thuận trả lãi, có khi không tính lãi và không thỏa thuận hạn trả vốn như vậy đã xác lập hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn loại có lãi và không có lãi được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005. Sau khi vay, chị T nhiều lần yêu cầu chị H trả nợ nhưng đến nay vẫn không trả. Do chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc chị H có trách nhiệm trả cho chị T số tiền vốn vay còn nợ 160.000.000 đồng là phù hợp với Điều 474 và khoản 1, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Chị H đã sử dụng toàn bộ số tiền vay để đóng hui chết thay cho các hui viên do chị H là thảo hui. Chị T cho rằng chị H vay số tiền này để vợ chồng mua đất ở Vũng Tàu và trang trải việc gia đình nhưng chị không chứng minh được. Như vậy, giao dịch vay này do chị H tự mình xác lập và đã sử dụng tiền vay không vì nhu cầu của gia đình nên nghĩa vụ trả nợ vay là nghĩa vụ riêng về tài sản của chị theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc chị T yêu cầu anh T có trách nhiệm liên đới cùng chị H trả số tiền nợ vốn vay 160.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét lời trình bày của chị T về việc anh T có nhận trách nhiệm cùng vợ trả nợ cho chị tại thời điểm B tỉnh Tiền Giang giải quyết đơn tố cáo của chị vào năm 2016. Theo Thông báo số 582/TB-BCH ngày 25/4/2016 của B tỉnh Tiền Giang về kết quả giải quyết tố cáo (*Bút lục 43-44*) và Công văn số 8377/BCH ngày 12/6/2017 của B tỉnh Tiền Giang về việc cung cấp thông tin theo Công văn số 46/CV.TAH ngày 01/6/2017 của TAND huyện Gò Công Đông (*Bút lục 53*) thể hiện anh T không nhận trách nhiệm trả nợ mà yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Do đó, lời trình bày của chị T là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét việc chị H xin giảm $\frac{1}{2}$ số nợ vốn là 80.000.000 đồng, phía chị T chỉ đồng ý giảm nợ vốn là 30.000.000 đồng khi anh T đồng ý cùng chị H trả nợ nhưng anh T không nhận trả nên không có cơ sở để xem xét.

Về tiền lãi: các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về thời gian trả tiền: Chị T yêu cầu chị H trả tiền 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chị H xác định khi nào có tiền chị sẽ trả. Xét thấy, ý kiến của chị H không được chị T đồng ý; hơn nữa chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nay nếu kéo dài thêm thời gian trả sẽ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc chị H có trách nhiệm trả tiền cho chị T 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T: Chấp nhận yêu cầu về việc buộc chị H có trách nhiệm trả số tiền vốn vay còn nợ tổng cộng là 160.000.000 đồng 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc buộc anh T có trách nhiệm liên đới cùng chị H trả nợ.

Về án phí: Do yêu cầu của chị T được chấp nhận một phần nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng; chị H buộc phải có nghĩa vụ trả nợ nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng là 8.000.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: *Các Điều 471, Điều 474 và khoản 1, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kiều T. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho chị Võ Thị Kiều T số tiền vốn vay còn nợ là **160.000.000 đồng** (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kiều T về việc buộc anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thanh H trả số tiền nợ vốn vay 160.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 44911 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên hoàn lại chị số tiền chênh lệch là 3.700.000 đồng.

- Chị H phải nộp 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 8 năm 2017.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

(đã ký)

Nguyễn Bích Thiên

